

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày 22-3-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Ông Nguyễn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2018/TLST- DS ngày 06/8/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST- DS ngày 21/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thùy D

Địa chỉ: Đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018) - Có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/ 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà D có cho ông Đ vay 02 lần tiền, cụ thể: Ngày 27/10/2012 ông Đ vay 80.000.000 đồng; ngày 28/10/2012 ông Đ vay tiếp 110.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền và hẹn trả vào ngày 27/02/2013; vay không có tài sản bảo đảm. Ông Đ đã trả cho bà D thông qua tài khoản số 5200205305945 của bà D mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền 73.000.000 đồng; Do từng có mối quan hệ tình cảm nên bà D đã trả cho ông Đ giấy vay 80.000.000 đồng ngày 27/10/2012. Đến nay, ông Đ chưa trả cho bà D 110.000.000 đồng. Tuy nhiên nay bà D chưa thể đưa ra chứng cứ chứng minh số tiền 73.000.000 đồng để trả cho khoản vay ngày 27/10/2012; Do đó bà D xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện (rút yêu cầu 73.000.000 đồng), còn lại yêu cầu ông Đ trả cho bà D 37.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất của 37.000.000 đồng từ ngày 27/2/2013 đến nay theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018 Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Thời gian từ 2012 đến 2015 ông Đ và bà D thuê nhà ở phường T, thành phố B chung sống với nhau như vợ chồng. Ông Đ xác định không vay tiền của bà D, giấy vay tiền mà bà D giao nộp cho Tòa án là do ông Đ viết vay của bạn ông Đ nhưng chưa vay được nên ông Đ không viết vay của ai và có bỏ sẵn trong tập, bà D lấy khi nào ông Đ không để ý; Trong giấy vay tiền mà bà D giao nộp cho tòa chữ “*D thôn 5 và 2%/tháng*” không phải là chữ viết của ông Đ. Ông Đ có chuyển trả vào tài khoản số 5200205305945 của bà D mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk số tiền mà ông Đ còn giữ được hóa đơn: Ngày 02/3/2013: 20.000.000 đồng; ngày 07/4/2014: 30.000.000 đồng; Ngày 16/12/2014: 12.000.000 đồng; tổng cộng 62.000.000 đồng; Ngoài ra ông Đ chuyển cho bà D nhiều lần tiền nữa không giữ hóa đơn; ông Đ không còn nợ bà D số tiền nào nữa. Do đó, nay bà D khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho bà D 110.000.000 đồng và lãi suất theo quy định thì ông Đ không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của đương sự cũng như các tài liệu giao nộp đều thể hiện thời hạn ông Đ trả tiền cho bà D là ngày 27/02/2013, ngày

18/7/2018 bà D nộp đơn khởi kiện; Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ kiện cho đến nay, bị đơn không có yêu cầu áp dụng thời hiệu; Do đó theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 28/10/2012 ông Nguyễn Văn Đ có vay của bà Nguyễn Thùy D 110.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 27/02/2013, không có tài sản bảo đảm, ông Đ viết giấy vay tiền đưa bà D giữ, thời gian qua ông Đ đã trả cho bà D được 73.000.000 đồng làm nhiều lần vào tài khoản số 5200205305945 của bà D mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, còn lại không trả là ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005; do đó nay bà D yêu cầu ông Đ trả cho bà D số tiền nợ gốc còn lại 37.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Xét việc ông Đ cho rằng không vay tiền của bà D là không chấp nhận được, vì giấy vay tiền ông Đ viết là do bà D giao nộp, mặt khác tại bản tự khai ngày 23/8/2018 ông Đ xác định đã trả cho bà D nhiều lần tiền vào tài khoản của bà D, như vậy chứng tỏ ông Đ có vay tiền của bà D thì mới có việc trả tiền cho bà D.

[4] Về lãi suất: Chữ “2%/tháng” trong giấy vay tiền là do bà D viết thêm, như vậy chứng tỏ việc vay tiền giữa bà D và ông Đ là không có thỏa thuận lãi; Như vậy lãi suất mà ông Đ phải trả cho bà D được tính bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố 9%/năm tính từ ngày 27/02/2013 (ngày vi phạm) cho đến nay là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 cụ thể như sau:

$37.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 06 \text{ năm} \times 23 \text{ ngày (tính từ 27/02/2013 đến 22/3/2019)} = 20.192.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng cả gốc và lãi mà ông Đ trả cho bà D là: 57.192.000 đồng.

[5] Xét việc bà D rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 73.000.000 đồng; đây là sự tự nguyện của bà D nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của bà D là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt. Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Căn cứ Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thùy D, buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà Nguyễn Thùy D 37.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ phải chịu: $57.192.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.859.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy D. Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà Nguyễn Thùy D 37.000.000 đồng tiền nợ gốc và 20.192.000 đồng tiền lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi là 57.192.000 đồng (năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện 73.000.000 đồng của bà Nguyễn Thùy D, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 2.859.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thùy D 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp thay bà Nguyễn Thùy D tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0007789 ngày 02/8/2018.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư